

I. Tổng hợp các bảng nhân từ 2 đến 9 (Bảng cửu chương nhân)

Phép nhân là phép tính cộng các số hạng giống nhau một cách nhanh chóng.

Trong một phép nhân, ví dụ $a \times b = c$, thì:

- a và b được gọi là **thừa số**.
- c được gọi là **tích**.

Học thuộc bảng nhân sẽ giúp các em làm toán nhanh và chính xác hơn rất nhiều.

1. Bảng nhân 2

Bảng nhân 2 là kết quả của việc lấy số 2 nhân lần lượt với các số tự nhiên từ 1 đến 10.

Phép tính	Kết quả
2×1	2
2×2	4
2×3	6
2×4	8
2×5	10
2×6	12
2×7	14
2×8	16
2×9	18
2×10	20

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Mỗi hộp có 2 cái bút chì. Hỏi 5 hộp như vậy có bao nhiêu cái bút chì?

Giải: $2 \times 5 = 10$ (cái bút chì).

- **Ví dụ 2:** Tính tích của 2 và 8.

Giải: $2 \times 8 = 16$.

2. Bảng nhân 3

Bảng nhân 3 là kết quả của việc lấy số 3 nhân lần lượt với các số tự nhiên từ 1 đến 10.

Phép tính	Kết quả
3 x 1	3
3 x 2	6
3 x 3	9
3 x 4	12
3 x 5	15
3 x 6	18
3 x 7	21
3 x 8	24
3 x 9	27
3 x 10	30

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Một tuần có 7 ngày. Hỏi 3 tuần có bao nhiêu ngày?

Giải: $7 \times 3 = 21$ (ngày).

- **Ví dụ 2:** Có 9 hàng ghế, mỗi hàng có 3 bạn ngồi. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn?
Giải: $3 \times 9 = 27$ (bạn).

3. Bảng nhân 4

Phép tính	Kết quả
4×1	4
4×2	8
4×3	12
4×4	16
4×5	20
4×6	24
4×7	28
4×8	32
4×9	36
4×10	40

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Một chiếc xe ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 6 chiếc xe ô tô như vậy có bao nhiêu bánh xe?
Giải: $4 \times 6 = 24$ (bánh xe).
- **Ví dụ 2:** Tính: 4×8 .
Giải: $4 \times 8 = 32$.

4. Bảng nhân 5

Phép tính	Kết quả
5×1	5
5×2	10
5×3	15
5×4	20
5×5	25
5×6	30
5×7	35
5×8	40
5×9	45
5×10	50

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Mỗi bàn tay có 5 ngón tay. Hỏi 2 bàn tay có bao nhiêu ngón tay?

Giải: $5 \times 2 = 10$ (ngón tay).

- **Ví dụ 2:** Lớp em có 7 tổ, mỗi tổ có 5 bạn. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn?

Giải: $5 \times 7 = 35$ (bạn).

5. Bảng nhân 6

Phép tính	Kết quả
6×1	6
6×2	12
6×3	18
6×4	24
6×5	30
6×6	36
6×7	42
6×8	48
6×9	54
6×10	60

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Mỗi hộp phần có 6 viên. Hỏi 8 hộp như vậy có bao nhiêu viên phần?

Giải: $6 \times 8 = 48$ (viên phần).

- **Ví dụ 2:** Tính tích của 6 và 9.

Giải: $6 \times 9 = 54$.

6. Bảng nhân 7

Phép tính	Kết quả
7×1	7
7×2	14
7×3	21
7×4	28
7×5	35
7×6	42
7×7	49
7×8	56
7×9	63
7×10	70

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 5 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

Giải: $7 \times 5 = 35$ (ngày).

- **Ví dụ 2:** Mỗi luống hoa trồng 7 cây. Hỏi 9 luống hoa như vậy trồng được bao nhiêu cây?

Giải: $7 \times 9 = 63$ (cây).

VIDOCU.COM

7. Bảng nhân 8

Phép tính	Kết quả
8 x 1	8
8 x 2	16
8 x 3	24
8 x 4	32
8 x 5	40
8 x 6	48
8 x 7	56
8 x 8	64
8 x 9	72
8 x 10	80

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Có 3 cái thuyền, mỗi thuyền chở được 8 người. Hỏi cả 3 thuyền chở được bao nhiêu người?
Giải: $8 \times 3 = 24$ (người).

• **Ví dụ 2:** Tính: 8×7 .

Giải: $8 \times 7 = 56$.

8. Bảng nhân 9

Phép tính	Kết quả
9×1	9
9×2	18
9×3	27
9×4	36
9×5	45
9×6	54
9×7	63
9×8	72
9×9	81
9×10	90

Ví dụ:

• **Ví dụ 1:** Mỗi chồng sách có 9 quyển. Hỏi 5 chồng sách như vậy có bao nhiêu quyển?

Giải: $9 \times 5 = 45$ (quyển sách).

- **Ví dụ 2:** Một bộ phim có 9 tập. Hỏi 9 bộ phim như vậy có bao nhiêu tập?

Giải: $9 \times 9 = 81$ (tập).

II. Tổng hợp các bảng chia từ 2 đến 9 (Bảng cửu chương chia)

Phép chia là phép tính ngược lại của phép nhân. Nó giúp chúng ta chia một số thành các phần bằng nhau. Trong một phép chia, ví dụ $c : a = b$, thì:

- **c** được gọi là **số bị chia**.
- **a** được gọi là **số chia**.
- **b** được gọi là **thương**.

Nếu các em đã thuộc bảng nhân thì việc học bảng chia sẽ rất dễ dàng. Ví dụ, vì $2 \times 3 = 6$, nên ta có $6 : 2 = 3$ và $6 : 3 = 2$.

1. Bảng chia 2

Phép tính	Kết quả
2 : 2	1
4 : 2	2
6 : 2	3
8 : 2	4
10 : 2	5
12 : 2	6
14 : 2	7
16 : 2	8
18 : 2	9
20 : 2	10

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Có 10 cái kẹo chia đều cho 2 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy cái kẹo?
Giải: $10 : 2 = 5$ (cái kẹo).
- **Ví dụ 2:** Có 18 học sinh xếp thành 2 hàng đều nhau. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Giải: $18 : 2 = 9$ (học sinh).

2. Bảng chia 3

Phép tính	Kết quả
$3 : 3$	1
$6 : 3$	2
$9 : 3$	3
$12 : 3$	4
$15 : 3$	5
$18 : 3$	6
$21 : 3$	7
$24 : 3$	8
$27 : 3$	9
$30 : 3$	10

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Có 21 quả cam chia đều vào 3 đĩa. Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu quả cam?

Giải: $21 : 3 = 7$ (quả cam).

• **Ví dụ 2:** Tính thương của 27 và 3.

Giải: $27 : 3 = 9$.

3. Bảng chia 4

Phép tính	Kết quả
4 : 4	1
8 : 4	2
12 : 4	3
16 : 4	4
20 : 4	5
24 : 4	6
28 : 4	7
32 : 4	8
36 : 4	9
40 : 4	10

Ví dụ:

• **Ví dụ 1:** Có 32 học sinh chia thành 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?

Giải: $32 : 4 = 8$ (học sinh).

• **Ví dụ 2:** Tìm x, biết $x \times 4 = 20$.

Giải: $x = 20 : 4$, vậy $x = 5$.

4. Bảng chia 5

Phép tính	Kết quả
5 : 5	1
10 : 5	2
15 : 5	3
20 : 5	4
25 : 5	5
30 : 5	6
35 : 5	7
40 : 5	8
45 : 5	9
50 : 5	10

Ví dụ:

• **Ví dụ 1:** Mẹ có 45 nghìn đồng, mẹ mua vở hết số tiền đó. Biết mỗi quyển vở giá 5 nghìn đồng. Hỏi mẹ mua được bao nhiêu quyển vở?

Giải: $45 : 5 = 9$ (quyển vở).

- **Ví dụ 2:** Có 30 bông hoa cắm đều vào 5 lọ. Hỏi mỗi lọ có mấy bông hoa?

Giải: $30 : 5 = 6$ (bông hoa).

5. Bảng chia 6

Phép tính	Kết quả
$6 : 6$	1
$12 : 6$	2
$18 : 6$	3
$24 : 6$	4
$30 : 6$	5
$36 : 6$	6
$42 : 6$	7
$48 : 6$	8
$54 : 6$	9
$60 : 6$	10

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Có 42 cái bánh chia đều vào 6 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái bánh?
Giải: $42 : 6 = 7$ (cái bánh).
- **Ví dụ 2:** Tính: $54 : 6$.
Giải: $54 : 6 = 9$.

6. Bảng chia 7

Phép tính	Kết quả
7 : 7	1
14 : 7	2
21 : 7	3
28 : 7	4
35 : 7	5
42 : 7	6
49 : 7	7
56 : 7	8
63 : 7	9
70 : 7	10

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Có 56 viên bi chia đều cho 7 bạn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu viên bi?

Giải: $56 : 7 = 8$ (viên bi).

- **Ví dụ 2:** 28 ngày là mấy tuần lễ? (Biết 1 tuần có 7 ngày).

Giải: $28 : 7 = 4$ (tuần lễ).

VIDOCU.COM

7. Bảng chia 8

Phép tính	Kết quả
8 : 8	1
16 : 8	2
24 : 8	3
32 : 8	4
40 : 8	5
48 : 8	6
56 : 8	7
64 : 8	8
72 : 8	9
80 : 8	10

Ví dụ:

- **Ví dụ 1:** Lớp 3A có 40 học sinh, được chia thành các nhóm, mỗi nhóm có 8 bạn. Hỏi lớp 3A được chia thành mấy nhóm?
Giải: $40 : 8 = 5$ (nhóm).

• **Ví dụ 2:** Tính thương của 72 và 8.

Giải: $72 : 8 = 9.$

8. Bảng chia 9

Phép tính	Kết quả
9 : 9	1
18 : 9	2
27 : 9	3
36 : 9	4
45 : 9	5
54 : 9	6
63 : 9	7
72 : 9	8
81 : 9	9
90 : 9	10

Ví dụ:

• **Ví dụ 1:** Có 81 cái kẹo chia đều cho 9 bạn. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?

Giải: $81 : 9 = 9$ (cái kẹo).

- **Ví dụ 2:** Tìm y , biết $9 \times y = 63$.

Giải: $y = 63 : 9$, vậy $y = 7$.

VIDOCU.COM